

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST
Ngày: 14-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Xuân Lãnh;

Bà Huỳnh Thị Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Thuận Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Trần Hữu L, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1994, tại tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xã ID, huyện ĐC, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú hiện nay: Khu , lô B, đường TT, phường , quận , Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên Công ty vận tải Quốc tế PD; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê P và bà Trần Thị Thu T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-10-2020 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Võ Thanh Đ, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1974, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số Chung cư PTH, Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C (chết) và bà Nguyễn Ngọc C (chết); vợ: Trần

Thanh Phương Y, sinh năm 1983; có 01 con sinh năm 2016; tiền án: không có.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPHC, ngày 23-5-2019 của Công an huyện TB (nay thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh phạt vi phạm hành chính về hành vi “ *Kinh doanh hàng hóa nhập lậu* ” với số tiền 4.000.000 đồng, đã nộp phạt ngày 28-5-2019, chưa hết thời hạn xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-3-2020, chuyển tạm giam ngày 21-3-2020, thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm ngày 08-4-2020, đến ngày 14-10-2020 bị bắt tạm giam đến nay; có mặt.

3. **Danh B**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1987, tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp CT, xã BT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: phụ xe; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Đ và bà Thi S (chết); vợ: Hồ Thị Thúy A; con không có. Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-3-2020, chuyển tạm giam ngày 21-3-2020, thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm ngày 08-4-2020. Đến ngày 14-10-2020 bị bắt tạm giam đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Trần Hữu L theo pháp luật (chỉ định): Bà Nguyễn Thị Loan T - Luật sư - Công ty Luật BNM; Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Danh B: Ông Lê Văn N - Luật sư - Công ty luật TNHH MTV NT; Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ: Ông Phạm Tiến B - Luật sư - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Đức C, sinh năm 1983; địa chỉ: Số TCH, Khu phố , phường TCH, Quận ; Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Phan Hoài D, sinh năm 1968; địa chỉ: Số , Chung cư PTH, Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Công ty TNHH PD; địa chỉ: Nhà số , đường , phường, quận TK, thủ đô PP; Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đức C sinh ngày 19 tháng 11 năm 1983; địa chỉ: đường TCH, Quận , Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền lập ngày 20-3-2020. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau

Vào 08 giờ ngày 11-3-2020, tại luồng xuất cảnh phương tiện vận tải cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài kiểm tra, bắt quả tang tài xế Nguyễn Võ Thanh Đ điều khiển xe ô tô biển số 3C-63xx cùng với phụ xe Danh B; đi từ Việt Nam xuất cảnh sang Campuchia đã vận chuyển 187.950 khẩu trang y tế các loại, không có hóa đơn, không khai báo Hải quan theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: Xe ô tô biển số 3C-63xx của Công ty vận tải Quốc tế PD (viết tắt Công ty PD); Trụ sở chính có địa chỉ: Thủ đô PhnomPenh, Campuchia; Chi nhánh có địa chỉ: Lô , khu , đường TT, Quận Thành phố Hồ Chí Minh; do Lê Đức C quản lý, chịu trách nhiệm nhận, kiểm tra hàng hóa và vận chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Thủ đô PhnomPenh. Từ ngày 08-3-2020 đến ngày 12-3-2020, Lê Đức C sang Công ty PD tại Campuchia đã giao quyền quản lý Chi nhánh cho Lê Trần Hữu L.

Khoảng 13 giờ ngày 10-3-2020, L trực tiếp nhận nhiều thùng carton và bao tải do nhóm người (không rõ họ tên, địa chỉ) chở đến và thuê Công ty PD vận chuyển sang Campuchia. Khi nhận hàng hóa, L có kiểm tra và biết khẩu trang y tế không có hóa đơn, L phân công nhóm người Campuchia làm việc tại Chi nhánh (không rõ họ tên, địa chỉ) bốc vác khẩu trang, xếp lên xe ô tô 3C-63xx và gọi điện thoại thông báo cho Lê Đức C biết xe đã chất hàng đủ chuyển đi Campuchia (L không nói cho C hàng hóa có khẩu trang y tế). Lúc này, C nhắn tin cho tài xế Nguyễn Võ Thanh Đ và phụ xe Danh B đến nhận xe 3C-63xx đi Campuchia.

Vào 16 giờ 30 phút ngày 10-3-2020, Nguyễn Võ Thanh Đ đến Chi nhánh Công ty PD gặp L nhận xe 3C-63xx có khẩu trang y tế trên xe và nhận sổ liên vận và số tiền 10.000.000 đồng. Đ nhận xe 3C-63xx và điều khiển chạy đến khu vực ngã tư TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh đón Danh B và giao cho DB sổ liên vận và số tiền 10.000.000 đồng. Khi nhận xe, Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B biết hàng hóa trên xe là khẩu trang y tế không có hóa đơn, nhưng vẫn áp tải hàng và chở hàng sang Campuchia.

Ngày 11-3-2020, Đ điều khiển xe ô tô 3C -6355 cùng với Danh B đi đến Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài. Tại đây, Danh B làm thủ tục xuất cảnh cho người và phương tiện vận tải, nhưng Danh B không khai báo Hải quan đối với khẩu trang y tế trên xe, Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài đã kiểm tra, bắt quả tang với số lượng 187.950 khẩu trang.

Quá trình điều tra, Lê Trần Hữu L, Nguyễn Võ Thanh Đ, Danh B đều thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng khi được áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B thay đổi lời khai.

* Kết quả định giá tài sản:

1 Kết luận định giá tài sản số: 12 ngày 12-3-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; xác định: 187.950 khẩu trang có giá trị 161.455.000 đồng.

2 Kết luận định giá tài sản số: 18 ngày 23-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; xác định: xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Aero Queen, loại Bus, màu sơn: vàng – xanh, biển số 3C-6355 đã qua sử dụng, có giá trị: 200.000.000 đồng.

* Kết quả giám định:

1. Thông báo kết quả giám định số: 79 ngày 17-8-2020 của Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 kết luận: 15 mẫu khẩu trang yêu cầu giám định đều không đạt quy định tại bộ tiêu chuẩn về khẩu trang y tế TCVN 8389:2010

2. Kết luận giám định số: 1344 ngày 08-9-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Giấy phép lái xe số 790070006759, họ tên Nguyễn Võ Thanh Đ, ngày 13-7-2018 là giấy phép lái xe thật.

3. Kết luận giám định số: 1376 ngày 21-9-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: số khung, số máy xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, sơn màu vàng – xanh, biển số 3C-6355 không bị đục sửa.

* Vật chứng:

- + 9.810 khẩu trang không nhãn hiệu;
- + 10.270 khẩu trang màu xanh, không nhãn hiệu;
- + 7.471 khẩu trang hiệu Cát Tường;
- + 17.370 khẩu trang không nhãn hiệu Phương Nam;
- + 27.870 khẩu trang không nhãn hiệu Sen Việt;
- + 49.970 khẩu trang không nhãn hiệu Mini pro;
- + 17.470 khẩu trang không nhãn hiệu Việt Thắng;
- + 19.970 khẩu trang không nhãn hiệu Thảo Ngọc;
- + 2.470 khẩu trang hiệu Purexx
- + 5.960 khẩu trang hiệu Lehaco dành cho trẻ em, đựng trong thùng carton.
- + 5.422 khẩu trang hiệu happy Kid dành cho trẻ em.
- + 1.470 khẩu trang hiệu BaYoka của trẻ em
- + 2.860 khẩu trang hiệu Lehaco của trẻ em đựng trong bao tải
- + 7.120 khẩu trang hiệu Ngọc Tài
- + 1.970 khẩu trang hiệu TH

Tất cả khẩu trang đều không đạt quy định tại Bộ tiêu chuẩn về khẩu trang y tế TCVN theo Thông báo kết quả giám định số: 00079/N2.20/TĐ ngày 17-8-2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3- Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Cục Thi hành án dân sự không kiểm tra số lượng từng khẩu trang bên trong từng bao và Cục Thi hành án dân

sự đã gửi lại Kho vật chứng – Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Tây Ninh; theo Công văn số 1473/CTHADS-TCKT ngày 08-12-2020 về việc đề nghị gửi lại vật chứng trong vụ án Lê Trần Hữu L cùng đồng phạm).

+ 01 xe ô tô khách biển số 3C-6355, số khung KMJRL18SP4C002647, số máy D6CA3070693 (đã qua sử dụng Cục Thi hành án dân sự đã gửi lại Kho vật chứng – Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Tây Ninh; theo Công văn số 1473/CTHADS-TCKT ngày 08-12-2020 về việc đề nghị gửi lại vật chứng trong vụ án Lê Trần Hữu L cùng đồng phạm).

+ 01 sổ liên vận số 453/20P (bản gốc);

+ 01Tờ khai phương tiện, vận tải đường bộ nhập – tái xuất số: 1131/TNTX/HQCK-B45/2020 (bản gốc bị rách);

+ 01 chứng minh nhân dân số 022810225 tên Nguyễn Võ Thanh Đ (bản gốc);

+ 01 Hộ chiếu số B5113396 tên Nguyễn Võ Thanh Đ (bản gốc);

+ 01 giấy phép lái xe số 790070006759 tên Nguyễn Võ Thanh Đ (bản gốc);

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu bạc, số Imei: 354835094026086 đã qua sử dụng của Nguyễn Võ Thanh Đ;

+ 01 chứng minh nhân dân số 371133187 tên Danh B (bản gốc);

+ 01 Hộ chiếu số: C145241 tên Danh B (bản gốc);

+ 01 giấy phép lái xe số 790153250716 tên Danh B (bản gốc);

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-A30F/DS màu đen, số imei 1: 354874101221059/01, số imei 2: 354875101221056/01 của Danh B, đã qua sử dụng;

+ 01 chứng minh nhân dân số: 230916323 tên Lê Trần Hữu L; (bản gốc);

Kê biên tài sản: Không kê biên, do Lê Trần Hữu L, Danh B không có tài sản.

Cáo trạng số: 23/CT-VKS-P307/CT-VKS-P3 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo về tội “ Buôn lậu ”; theo điểm c khoản 4 Điều 188 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Trần Hữu L trình bày: Hành vi của bị cáo đúng với Cáo trạng đã truy tố, tuy nhiên hành vi của bị cáo chỉ là vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

Bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và bị cáo Danh B trình bày cùng nội dung: Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xác định 2 bị cáo đều biết hàng hóa trên xe là khẩu trang y tế là không đúng, chỉ khi bị bắt thì 2 bị cáo

biết hàng hóa trên xe là khẩu trang y tế. Hai bị cáo không được bị cáo L và ông Lê Đức C cho biết hàng hóa trên xe vận chuyển sang Campuchia vào ngày 10 - 3-2020 là khẩu trang y tế, đồng thời cũng không hưởng lợi, nên 2 bị cáo không có buôn lậu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu luận tội:

+ Bị cáo Lê Trần Hữu L thành khẩn khai báo từ khi bị bắt đến khi điều tra và tại phiên tòa. Đối với 2 bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên có nhiều lời khai của 2 bị cáo đều phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, chỉ khi đặt tiền bảo đảm, 2 bị cáo có Luật sư tham gia bào chữa đã thay đổi lời khai, không thừa nhận đã biết hàng hóa trên xe 3C- 63.55 là khẩu trang y tế, 2 bị cáo cho rằng vì lo sợ và Công an tự ghi vào, nhưng việc 2 bị cáo trình bày không phù hợp.

+ Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Lê Trần Hữu L, Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B phạm tội “ *Buôn lậu* ”. Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Trần Hữu L từ 12 năm đến 13 năm tù; các bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ, và bị cáo Danh B đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 10 năm đến 12 năm tù, áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Lê Trần Hữu L như sau:

+ Tội danh: Luật sư không đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên và Cáo trạng truy tố, phải có hành vi buôn bán qua biên giới, nhằm mục đích mua bán, Viện kiểm sát chỉ căn cứ lời khai của các bị cáo. Bị cáo L làm công ăn lương, không có chứng cứ chứng minh các bị cáo có hành vi thu gom, kinh doanh khẩu trang có thu lợi. Công văn số 45 của Tòa án nhân dân tối cao ngày 30-3-2020 liên quan đến hành vi của các bị cáo; nên các bị cáo bị xử về tội “Buôn lậu”. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, 3 bị cáo đều xuất phát từ việc kinh doanh của Công ty PD, bị cáo L không kinh doanh mua bán. Hành vi của bị cáo L phạm tội “Vận chuyển hàng hóa qua biên giới”; theo Điều 189 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động chính, chưa có vợ phải nuôi cha mẹ mất sức lao động và em gái đang học đại học và thành khẩn khai báo, chưa có tiền án, tiền sự; đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ như sau: Nguồn gốc của 187.950 khẩu trang căn cứ vào lời khai của bị cáo L thừa nhận là do bị cáo L nhận từ xe ôm, thể hiện rõ tại Kết luận điều tra, Cáo trạng, nhưng không xác định ai là chủ, đưa qua Campuchia làm gì, có lợi gì nếu được đưa qua Campuchia, không được làm rõ; do đó 3 bị cáo có vai trò gì trong vụ án này. Bị cáo Đ là tài xế hợp đồng, không phải nhân viên của Công ty PD, không có trách nhiệm, chỉ nhận xe, kiểm tra xe theo lời khai của bị cáo; buôn lậu thể hiện rõ hành vi mua bán, vai trò của bị cáo Đ là gì, chủ hàng là ai, có phải đồng phạm không. Bị cáo nhận xe không được bị cáo L thông báo, ông C không thông báo có khẩu trang trên xe, ông C cũng có lời khai tài xế không có trách nhiệm nào khác. Kết quả giám định số 0079 ngày 17-8-2020, kết luận 15 mẫu khẩu trang trên xe 3C-63.55 không đạt tiêu chuẩn khẩu trang y tế, chỉ là khẩu trang thông thường hàng ngày của người dân chống bụi và khí, không phải là vật tư y tế, không là hàng cấm. Công văn 45 của Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 03-3-2020 có áp dụng trong vụ án này hay không theo luật ban hành văn bản. Do đó, bị cáo không có vai trò gì, không có trách nhiệm gì, không hiểu biết, số tiền 10.000.000 đồng là chi phí dọc đường. Viện kiểm sát căn cứ vào Công văn 45 và Điều 188 của Bộ luật Hình sự truy tố bị cáo Đ là chưa đúng hành vi của bị cáo; không đủ căn cứ cấu thành tội “*Buôn lậu*”; nên bị cáo không phạm tội, chỉ vì thiếu hiểu biết. Chứng cứ, lời khai của bị cáo đúng pháp luật chưa, có phải chịu hình phạt như vậy không, Hội đồng xét xử xem xét công minh, việc tạm giữ xe 3C-63.55 và 187.950 khẩu trang không phù hợp pháp luật.

Luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Danh B: Kết quả giám định của Tổng cục đo lường chất lượng 15 mẫu khẩu trang không đạt chất lượng y tế, không đạt quy định tiêu chuẩn của Việt Nam; vậy không phải khẩu trang y tế mà là bảo hộ lao động, không cần mở Tờ khai Hải quan. Vai trò của bị cáo B phụ xe, thực hiện thủ tục Hải quan đối với hàng hóa mở Tờ khai, không biết hàng hóa của ai, chỉ biết áp tải, nhưng hàng hóa này không cần mở Tờ khai, do đó cơ quan điều tra tạm giữ xe 3C-63.55, 18.950 khẩu trang trị giá 161.425.000 đồng và vật chứng khác là không phù hợp. Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố bị cáo điểm c khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự không phù hợp pháp luật. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là dân tộc thiểu số, nhận thức kém, hành động theo phong tục tập quán, lạc hậu, suy nghĩ đơn thuần nhiệm vụ không có chứng từ

nên không khai. Bị cáo còn được hưởng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Công văn số 45 của Tòa án nhân dân tối cao có sau khi bị cáo thực hiện hành vi. Hàng hóa bảo hộ lao động không thể áp dụng trường hợp này. Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố không đúng bản chất sự việc.

+ *Bị cáo Lê Trần Hữu L và bị cáo Danh B không tranh luận.*

+ *Bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ tranh luận:* Công an huyện BC không ghi nhận ý kiến của bị cáo. Bị cáo không đồng quan điểm với Kiểm sát viên. Viện kiểm sát không chứng minh bị cáo thu lợi bao nhiêu tiền.

+ *Kiểm sát viên đối đáp chung ý kiến tranh luận của 03 Luật sư như sau:*

Kiểm sát viên không áp dụng Công văn số 45 của Tòa án nhân dân tối cao, nên không bàn về thời hiệu. Qua xét hỏi, các bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B không thừa nhận hành vi phạm tội; nhưng xuyên suốt quá trình điều tra, các bị cáo khai phù hợp với nhau, các bị cáo cho rằng lo sợ nhưng thực tế khi được tại ngoại, có Luật sư nên thay đổi lời khai, do đó các bị cáo bị tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn. Kiểm sát viên khẳng định các bị cáo biết trên xe có hàng hóa từ trước khi bị bắt, hàng hóa này không phải là hàng hóa bảo hộ. Căn cứ vào 2 tiêu chuẩn, mặt dù không đạt tiêu chí nhưng bao bì thể hiện, đồng thời hàng hóa là phải khai báo đó là trách nhiệm, khi khai báo thì cơ quan chức năng yêu cầu thế nào thì tiếp tục thực hiện, nhưng các bị cáo biết hàng hóa không có hóa đơn nên không khai báo. Kiểm sát viên không cho là các bị cáo thu gom, đồng phạm giúp sức. Tình tiết phạm tội lần đầu không áp dụng. Đối với bị cáo Danh B không thể là phạm tội do lạc hậu, bởi lẽ bị cáo sinh ra và lớn lên tại Việt Nam, có ăn học, văn hóa 12/12, thường xuyên qua lại Campuchia; do đó không áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mục đích vụ lờn không phải là yếu tố bắt buộc. Bị cáo Đ có đầy đủ năng lực hành vi, không thể nói là không ghi mà bị cáo vẫn ký tên là không có căn cứ.

+ *Các bị cáo nói lời nói sau cùng:* Bị cáo Lê Trần Hữu L và bị cáo Danh B đều xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ đề nghị xem xét đến hành vi của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

[1.1] Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bà Lê Trần Mỹ N có đơn từ chối Luật sư đề ngày 03-3-2021 về việc đề nghị Công ty Luật TNHH TT không cử Luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo Lê Trần Hữu L; do bị cáo đã có Luật sư Nguyễn Thị Loan T. Và Công ty Luật TNHH TT có Công văn số: 08/CV-TT ngày 03-3-2021, đề nghị Tòa án không cử Luật sư; do đó Luật sư Nguyễn Sĩ L không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Và Công ty Luật TNHH TT có Giấy giới thiệu số: 23/2021/GTT-LS đề ngày 24-11-2021 về việc thay thế Luật sư tham gia tố tụng; Luật sư Lê Văn N được thay thế Luật sư Nguyễn Sĩ L bào chữa cho bị cáo Danh B. Đối với ông Phạm Đức C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông; bà Nguyễn Phan Hoài D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt ông Lê Đức C và bà Nguyễn Phan Hoài D.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và bị cáo Danh B không thừa nhận lời khai của 2 bị cáo tại cơ quan điều tra là sự thật. Bị cáo Đ cho rằng anh C nhấn tin không nói hàng hóa gì, khi nhận xe 3C-63.55 không nghe bị cáo L thông báo hàng hóa trên xe là khẩu trang y tế, có biết trên xe có hàng hóa nhưng không kiểm tra, nhiệm vụ của bị cáo chỉ là kiểm tra tình trạng xe về nhiên liệu, xem xe có bị nghiêng hay không. Bị cáo Danh B cho rằng khi bị cáo Đ đón và khi bị cáo lên xe không biết là khẩu trang y tế, bị cáo không nghe bị cáo Đ nói và nhiệm vụ của bị cáo là phụ xế, theo xe để làm xuất cảnh cho người, đóng dấu sổ liên vận, phụ sửa xe; việc xuất cảnh hàng hóa thì bị cáo không biết, do người khác khai báo. Và 2 bị cáo đã thay đổi lời khai từ khi được đặt tiền bảo đảm và có Luật sư tham gia, cụ thể như sau:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ đã khai nhận tại Bút lục số 138 ngày 21-3-2020: “ Tôi biết số hàng hóa chở trên xe ô tô khách 3C-63.55...,không có hóa đơn, chứng từ, giấy phép, nên tôi biết bị can B không thể làm thủ tục thông quan cho số hàng hóa này..., nhưng vì muốn vận chuyển sang Campuchia được, nên bị can B không khai báo số hàng hóa trên xe...Tôi và bị can B đều biết hàng hóa là khẩu trang y tế trên đều không có hóa đơn....nhưng không báo cáo với Công ty...”. Bút lục số 143 và số 144 ngày 25-4-2020 như sau: “ Tôi được biết số hàng hóa do tôi vận chuyển là khẩu trang y tế vào thời điểm khi tôi nhận xe đi Campuchia ngày 10-3-2020”; “ Tôi biết số khẩu trang y tế trên xe ô tô 3C-63.55 do tôi điều khiển không có hóa đơn... ,chưa được bị can B làm thủ tục hải quan

nhưng vì muốn chở hàng hóa sang nhà xe Pd tại Campuchia nhanh... bị cáo vẫn cho xe đi...”;

[2.2] Bị cáo Danh B viết Bản tường trình ngày 12-3-2020, tại Bút lục số 175; tại Bản tự khai ngày 30-3-2020 bút lục số 176; có cùng nội dung: *Anh Đ tài xế đón tôi lên xe...bước chân lên xe ...xe mang biển số 3C-63.55 đã có hàng hóa và bao tải và thùng carton trong đó các khẩu trang y tế, không có hóa đơn, chứng từ...; Tại bút lục số 191, 192 của Biên bản hỏi cung bị can ngày 30-3-2020 khai như sau: “ Khi lên xe...tôi phát hiện trên xe có nhiều bao tải, thùng carton bên trong có chứa khẩu trang y tế gồm nhiều loại..”; “...Tôi chỉ làm thủ tục xuất cảnh đối với xe ô tô khách 3C-63.55 mà không khai báo hải quan...cho số hàng hóa là khẩu trang y tế...do lúc này tôi không có hóa đơn...nhưng do muốn vận chuyển ...đến Phnombenh..”; Bút lục số 193 của Biên bản hỏi cung bị can ngày 09-4-2020 như sau: “ Quá trình vận chuyển cùng anh Đ thì tôi đã biết số khẩu trang y tế không có hóa đơn...; tuy nhiên tôi không có báo cáo...với nhà xe Phúc D....vì muốn vận chuyển hàng sang Campuchia....tôi tự ý không khai báo hải quan....khẩu trang y tế...và cũng không báo lại sự việc không khai báo hải quan....cho nhà xe biết ”; Bút lục số 195 của Biên bản hỏi cung bị can ngày 25-4-2020 như sau: “ Tôi biết hàng hóa mình và anh Đ vận chuyển trên xe ô tô khách biển số 3C-63.55 từ ngày 10-3-2020 đến ngày 11-3-2020 sang Campuchia là khẩu trang y tế . Tôi biết từ thời điểm lên xe vào ngày 10-3-2020 ”;*

[3] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ ngày 10-3-2020, bị cáo Lê Trần Hữu L trực tiếp nhận 187.950 khẩu trang y tế các loại, được giấu bên trong nhiều thùng carton và bao tải, không có hóa đơn; đã cho nhân viên bốc vác của Chi nhánh Công ty Phúc danh bốc xếp lên xe ô tô khách 3C-63.55 và gọi điện thoại thông báo cho ông Lê Đức C biết, nhưng không nói rõ khẩu trang y tế. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, được sự điều lệnh xe của ông Lê Đức C; tài xế xe ô tô biển số 3C-63.55, do bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ điều khiển cùng với phụ xe Danh B vận chuyển 187.950 khẩu trang y tế các loại sang Campuchia và ngủ qua đêm tại khu vực Mộc Bài, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đến sáng ngày 11-3-2020, các bị cáo tiếp tục điều khiển xe ô tô 3C- 63.55 đến cửa khẩu Mộc Bài và không khai báo Hải quan đối với 187.950 khẩu trang y tế các loại, nhưng vẫn điều khiển xe qua cửa khẩu Hải quan đã bị cơ quan có thẩm quyền bắt cùng tang vật 187.950 khẩu trang y tế các loại. Tại Kết luận định giá số: 12/KL- HĐĐGTXSTTTTHS

ngày 12-3-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận 187.950 khẩu trang y tế gồm nhiều loại, nhiều nhãn hiệu như Cát Tường, Phương Nam, Sen Việt, Mini Pro, Việt Thắng, Thảo Ngọc, Furexx Lehaco, Happy Kid, BaYoCa, Ngọc Tài, T.H và một số khẩu trang y tế không nhãn mác, đều là hàng mới 100%, có tổng giá trị 161.455.000 đồng. Đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Trần Hữu L, Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B phạm tội “*Buôn lậu*”; tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

[4] Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội. Tại thời điểm các bị cáo đưa 187.950 cái khẩu trang y tế sang Campuchia trong lúc dịch bệnh COVID 19 đang phát triển nhanh tại Việt Nam và trên thế giới. Để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh, Đảng và Nhà nước đã kêu gọi toàn dân chống dịch, nhưng các bị cáo đã có hành vi đưa số lượng khẩu trang không đảm bảo tiêu chuẩn y tế sang nước ngoài, sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng, đồng thời có nguy cơ để lây nhiễm trong cộng đồng; đã xâm phạm đến chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước đối với hàng khẩu trang y tế, gây ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của việc viện trợ, hỗ trợ đối với nước ngoài về khẩu trang y tế trong mùa dịch bệnh. Do đó hành vi của các bị cáo bị xét xử theo điểm c khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng bị cáo Lê Trần Hữu L phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” và các bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B không phạm tội “*Buôn lậu*”; và cho rằng bị cáo Danh B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không có cơ sở.

[5] *Xét tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo:*

[5.1] Bị cáo Lê Trần Hữu L trực tiếp nhận 187.950 khẩu trang y tế các loại, được giấu sẵn trong bao tải, thùng carton, để vận chuyển sang Campuchia; trực tiếp cho nhân viên công ty bốc vác lên xe 3C.63.55 giấu vào hầm xe và để trên băng ghế ngồi của khách; bị cáo phạm tội với vai trò tích cực nhằm vận chuyển trót lọt khẩu trang y tế qua nước ngoài cho Công ty Phúc D; giúp tay cho kẻ mua bán và thu lời bất chính, do đó bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ làm tài xế và bị cáo Danh B làm phụ xe cho Công ty Phúc D từ năm 2019, thường xuyên vận chuyển hàng hóa sang Campuchia, các bị cáo biết hàng hóa khi qua cửa khẩu phải khai báo Hải quan. Do đó ngày 10-3-2020, các bị cáo áp tải 187.950 khẩu trang y tế giấu trong bao tải, thùng carton trên xe 3C-63.55 đi Campuchia nhưng không được bị cáo L giao

hóa đơn, chứng từ; các bị cáo đã biết hàng hóa này không có nguồn gốc, giấy tờ hợp pháp. Ngoài ra, bị cáo Đ còn khai rằng biết bị cáo B sẽ không khai báo được vì số khẩu trang y tế trên xe không có hóa đơn, nhưng vẫn điều khiển cho xe qua cửa khẩu. Bị cáo Danh B còn khai biết hàng hóa không có hóa đơn nên không khai báo Hải quan. Hành vi của các bị cáo đã giúp sức cho bị cáo L vận chuyển 187.950 khẩu trang y tế các loại đến cửa khẩu Mộc Bài nhằm mục đích đưa qua Campuchia để tiêu thụ, nên chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo L.

[6] Khi quyết định hình phạt có xem xét những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Trần Hữu L thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật từ khi bị bắt đến tại phiên tòa. Đối với bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và bị cáo Danh B suốt quá trình điều tra đã có nhiều lời khai thừa nhận hành vi phạm tội; nhưng các bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và Danh B chỉ thay đổi lời khai từ khi được đặt tiền bảo đảm và có Luật sư tham gia bào chữa, cho rằng chỉ khi bị bắt, cơ quan Hải quan kiểm tra hàng hóa trên xe, lúc này các bị cáo biết là khẩu trang y tế. Tuy nhiên, các bị cáo có thái độ hợp tác với cơ quan điều tra tại giai đoạn đầu điều tra, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét cho hai bị cáo. Riêng bị cáo Danh B thuộc Dân tộc Khơ Me; nhưng qua xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị cáo không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có văn hóa lớp 12/12, đã sống và làm việc tại Công ty vận chuyển Quốc tế PD tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2019 và thường xuyên áp tải hàng hóa qua Campuchia; qua lời khai của bị cáo đã thể hiện bị cáo có nhận thức hàng hóa không có hóa đơn sẽ không khai báo Hải quan; như vậy bị cáo biết được quy định của pháp luật Việt Nam; nhưng cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó Luật sư đề nghị áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo không phù hợp.

[7] Vật chứng của vụ án

[7.1] Tịch thu tiêu hủy 187.950 cái khẩu trang y tế các loại không đạt tiêu chuẩn chất lượng y tế, sẽ tuyên cụ thể trong phần quyết định.

[7.2] Đối với chiếc xe ô tô tải biển số 3C-63.55, các bị cáo sử dụng xe vận chuyển khẩu trang y tế không có hóa đơn sang Campuchia; Công ty PD - Chi

nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh; do ông Lê Đức C quản lý, nhưng ông C không biết nên trả lại cho Công ty PD.

[7.3] Đối với điện thoại di động của các bị cáo đã dùng, liên lạc, có liên quan đến việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Đối với ông Lê Đức C không biết việc các bị cáo nhận khẩu trang y tế không có hóa đơn và sử dụng xe của Công ty Phúc D vận chuyển sang Campuchia nên không có căn cứ xử lý.

[10] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Trần Hữu L 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-10-2020.

2. Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54, 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-10-2020, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-3-2020 đến ngày 08-4-2020.

3. Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54, 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh B 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-10-2020, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-3-2020 đến ngày 08-4-2020.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo việc thi hành bản án.

4. Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

5. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

5.1 Tịch thu tiêu hủy 187.950 khẩu trang các loại, gồm:

- + 9.810 khẩu trang không nhãn hiệu;
- + 10.270 khẩu trang màu xanh, không nhãn hiệu;
- + 7.471 khẩu trang hiệu Cát Tường;
- + 17.370 khẩu trang không nhãn hiệu Phương Nam;
- + 27.870 khẩu trang không nhãn hiệu Sen Việt;
- + 49.970 khẩu trang không nhãn hiệu Mini pro;
- + 17.470 khẩu trang không nhãn hiệu Việt Thắng;
- + 19.970 khẩu trang không nhãn hiệu Thảo Ngọc;
- + 2.470 khẩu trang hiệu Purexx
- + 5.960 khẩu trang hiệu Lehaco dành cho trẻ em, đựng trong thùng carton.

- + 5.422 khẩu trang hiệu happy Kid dành cho trẻ em.
- + 1.470 khẩu trang hiệu BaYoka của trẻ em
- + 2.860 khẩu trang hiệu Lehaco của trẻ em đựng trong bao tải
- + 7.120 khẩu trang hiệu Ngọc Tài
- + 1.970 khẩu trang hiệu TH

Tất cả khẩu trang đều không đạt quy định tại Bộ tiêu chuẩn về khẩu trang y tế TCVN theo Thông báo kết quả giám định số: 00079/N2.20/TĐ ngày 17-8-2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3- Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Cục Thi hành án dân sự không kiểm tra số lượng từng khẩu trang bên trong từng bao và Cục Thi hành án dân sự đã gửi lại Kho vật chứng – Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Tây Ninh; theo Công văn số 1473/CTHADS-TCKT ngày 08-12-2020 về việc đề nghị gửi lại vật chứng trong vụ án Lê Trần Hữu L cùng đồng phạm.

5.2 Trả cho Công ty vận tải Quốc tế Phúc D - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh xe ô tô khách biển số 3C- 63.55, số khung KMJRL18SP4C00267, số máy D6CA3070693 đã qua sử dụng; Cục Thi hành án dân sự đã gửi lại Kho vật chứng – Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Tây Ninh; theo Công văn số 1473/CTHADS-TCKT ngày 08-12-2020 về việc đề nghị gửi lại vật chứng trong vụ án Lê Trần Hữu L cùng đồng phạm.

5.3 Lưu hồ sơ vụ án Sổ liên vận số 453/20P (bản gốc); Tờ khai phương tiện, vận tải đường bộ nhập - tái xuất số 1131/TNTX/HQCK-B45/2020 (bản gốc, bị rách) ;

5.4 Trả cho bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ 01 Giấy chứng minh nhân dân số 022810225, tên Nguyễn Võ Thanh Đ (bản gốc); 01 Hộ chiếu số B5113396, tên Nguyễn Võ Thanh Đ (bản gốc); 01 giấy phép lái xe số 790070006759 tên Nguyễn Võ Thanh Đ (bản gốc);

5.5 Trả cho bị cáo Danh B 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371133187, tên Danh B (bản gốc); 01 hộ chiếu số C1452541, tên Danh B (bản gốc); 01 giấy phép lái xe số 790153250716 tên Danh B (bản gốc);

5.6 Trả cho bị cáo Lê Trần Hữu L 01 Giấy chứng minh nhân dân số 230916323 tên Lê Trần Hữu L (bản gốc).

5.7 Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số Imei: 354835094026086 đã qua sử dụng của bị cáo Võ Thanh Đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM – A305F/DS, màu đen, số Imei 1: 354874101221059/01, số Imei 2: 354875101221056/01 đã qua sử dụng của bị cáo Danh B.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 08-12-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

6. Không hạn chế việc giao dịch tài sản quyền sử dụng đất diện tích 1512,0m² và căn hộ chung cư số thuộc Thửa đất số , Tờ bản đồ số , tại Chung cư PTH, Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh; thuộc quyền sở hữu của bị cáo Nguyễn Võ Thanh Đ và bà Nguyễn Phan Hoài D; theo Công văn số 238/VPCQCSĐT ngày 04-11-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh.

7. Án phí: Các bị cáo Lê Trần Hữu L, Nguyễn Võ Thanh Đ, Danh B; mỗi người phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TANDCC TP.HCM;
- VKSNDCC TP.HCM;
- VKSND tỉnh TN;
- VP CQCSĐT CA tỉnh TN;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Trạm Tạm giam CA tỉnh TN;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa HS;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Minh Châu